

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ DẠY TIẾNG VIỆT CHO NGƯỜI VIỆT NAM Ở NƯỚC NGOÀI

• TS. TRẦN THỊ KIM THUẬN

Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

Với hơn ba triệu người Việt Nam ở nước ngoài, dường như những quan niệm cho rằng “đa số người Việt Nam sống ở nước ngoài, dù mang quốc tịch nào cũng hướng về cội nguồn, hướng về tổ quốc, một trong những biểu hiện tấm của tấm lòng đáng trân trọng ấy là tình yêu tha thiết của họ đối với tiếng nói quê hương”¹ đã trở nên quen thuộc, tuy nhiên những nghiên cứu thực tế lại cho ta một bức tranh phức tạp hơn nhiều.

Trong khuôn khổ “Đề án Hỗ trợ việc dạy tiếng Việt cho người Việt Nam ở nước ngoài”, trong ba năm, từ 2006 đến 2008 nhiều đoàn cán bộ của bộ Giáo dục và Đào tạo, bộ Ngoại giao, bộ Văn hoá - Thông tin, bộ Nội vụ, bộ Tài chính, đài Tiếng nói Việt Nam, đài Truyền hình Việt Nam đã tiến hành nghiên cứu, tìm hiểu nhu cầu; hình thức tổ chức dạy - học tiếng Việt trong cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài; những cơ sở pháp lý; các yếu tố xã hội của việc dạy và học tiếng Việt trong cộng đồng và trong hệ thống giáo dục của các nước: Pháp (Paris, Marseille), Mĩ (New York, Washington, California) và Thái Lan (Nakhonphanon, Noong Khai). Việc lựa chọn các địa bàn nghiên cứu trên dựa vào lí do sau: Nước Pháp, với khoảng 300.000 người, là cộng đồng Việt kiều lâu đời nhất, hiện đã có đến thế hệ người Việt thứ 5,6. Mĩ, với khoảng 2.000.000 người, là nước có nhiều Việt kiều nhất, đa dạng nhất về nguồn gốc, tầng lớp cũng như thái độ chính trị. Thái Lan, có số lượng kiều bào khá đông, với trên 100.000 người di cư trong

kháng chiến chống Pháp, sống khá tập trung, quan hệ của hai nhà nước có nhiều biến động trong lịch sử và đã có thay đổi tích cực trong những năm gần đây. Tại các nước này, nhóm nghiên cứu đã tìm hiểu các vấn đề liên quan thông qua các cuộc tiếp xúc, trao đổi, thảo luận với bộ Giáo dục, các cơ quan giáo dục, Đại sứ quán Việt Nam, các hội đoàn Việt kiều, các Viện nghiên cứu ngôn ngữ, các trường Đại học, các lớp học tiếng Việt do hội, đoàn Việt kiều tổ chức, các cá nhân thuộc các thế hệ với những quan điểm chính trị khác nhau. Kết quả nghiên cứu đã cho thấy một bức tranh đa dạng như sau:

Về nhu cầu: Nhu cầu học tiếng Việt của người Việt ở các nước trên nhìn chung là có thật, nhưng cũng rất đa dạng và hết sức khác nhau ở từng nước, từng vùng, ở các thế hệ người Việt, các tầng lớp, quan hệ gia đình (thuần Việt hay hỗn hợp) cũng như hoàn cảnh ra đi của họ. Tại Pháp, “nhu cầu học tiếng Việt của Việt kiều ở các thế hệ rất khác nhau, nhưng nhìn chung không cao”². Bởi vì “những thế hệ Việt kiều mới ở Pháp đang quên dần tiếng Việt, không biết nói tiếng Việt, không biết văn hoá dân tộc, đã và sắp cắt đứt hẳn với cội nguồn” (Hoàng Hoà Bình). Ở Mĩ, tại California, việc dạy - học tiếng Việt tương đối tập trung và có phong trào hơn các bang khác. Theo ý kiến của các trí thức và người trung tuổi ở Mĩ thì “nhu cầu học tiếng Việt cho người Việt là có thật và hết sức cần thiết cho nhiều mục tiêu khác nhau, trong đó có văn hoá và kinh tế”³.

¹ Nguyễn Nguyên Trứ, *Tiếng nói của quê hương đối với người Việt sống xa Tổ quốc* - Báo cáo tại hội thảo “Bảo vệ và phát triển tiếng Việt trong thời kì công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”, 2002.

² Hoàng Hoà Bình, Nguyễn Thanh Huyền - *Báo cáo kết quả khảo sát tình hình dạy và học tiếng Việt tại Cộng hòa Pháp*, 2006.

³ Đỗ Ngọc Thống - *Báo cáo kết quả khảo sát tình hình dạy tiếng Việt tại Mĩ*, 2006.

Tuy nhiên, thực tế trong các lớp học tiếng Việt do cộng đồng tổ chức, theo các giáo viên thì “đa phần HS là bị bắt buộc, học để giải quyết vấn đề tinh thần, đạo đức hơn là học để không quên tiếng Việt, học để tìm hiểu văn hoá Việt, học để có phương tiện nghiên cứu, trao đổi, buôn bán, làm ăn với trong nước” (Đỗ Ngọc Thống). Tại Thái Lan, trước đây chính quyền sở tại cấm và đàn áp việc học tiếng Việt, nên trong một thời gian dài cộng đồng người Việt vẫn còn bị chia rẽ vì quan điểm: “cần dạy - học tiếng Việt để giữ gìn văn hoá cội nguồn” hay “không dạy - học tiếng Việt mà hoà nhập hoàn toàn vào cộng đồng và văn hóa nước sở tại, nhằm bảo toàn và phát triển cộng đồng theo hướng khác”⁴.

Nhìn chung, có thể chia thành các xu hướng chính như sau: Thế hệ những người Việt lớn tuổi, có gắn bó mật thiết với quê hương, còn nói được tiếng Việt thì mong muốn con cháu học tiếng Việt để không quên cội nguồn. Thế hệ những người trung niên, quá bận rộn với công việc làm ăn thì ít quan tâm tới việc học tiếng Việt, thậm chí cho là học tiếng Việt không cần thiết, không thiết thực, chỉ cần học tiếng nước sở tại để có công ăn việc làm và hoà nhập cộng đồng. Còn thế hệ thứ ba và thứ tư trở đi thì ít, hoặc không biết nói tiếng Việt, không quan tâm nhiều tới việc học tiếng Việt. Tại các nước này, việc sử dụng tiếng Việt trong sinh hoạt gia đình thường không bắt buộc, không thành truyền thống và nhiều khi các thế hệ cũng chưa có ý thức khuyến khích việc bảo tồn tiếng Việt. Trong giao tiếp chung của cộng đồng người Việt cũng có tình trạng như vậy. Do đó, lớp trẻ thích dùng tiếng nước sở tại để giao tiếp “cho nhanh” hơn là dùng tiếng Việt. Việc các thế hệ trong cùng một gia đình không giao tiếp được với nhau bằng một ngôn ngữ chung cũng khá phổ biến. Nhìn chung, khó có thể cho rằng: mọi người Việt sống ở nước ngoài đều yêu và thích học tiếng Việt.

Chính sách ngôn ngữ

Nước Mĩ là một quốc gia đa dân tộc, có tới 150 ngôn ngữ khác nhau đang được sử dụng, và có ít nhất 10% người Mĩ thường xuyên nói một thứ tiếng khác không phải là tiếng Anh. Chính sách ngôn ngữ của Mĩ đã trải qua nhiều giai đoạn phát triển khác nhau. Từ phong trào “nước Mĩ chỉ có tiếng Anh” đến “nước Mĩ đa ngôn ngữ”, ngày nay, ngôn ngữ của các dân tộc khác, của dân nhập cư dần được coi trọng và được dạy trong các nhà trường, nếu cộng đồng này có nhu cầu. Tuy nhiên, hiện nay tại Mĩ, “hầu như không có trường phổ thông nào dạy tiếng Việt như một ngoại ngữ” (Đỗ Ngọc Thống). Tại Pháp, trong xu hướng toàn cầu hoá, nước Pháp chủ trương “tăng cường việc mở cửa với thế giới trong giảng dạy, thông qua việc phát triển phong trào học ngoại ngữ, khuyến khích các chính sách giao lưu”⁵. Nước Pháp cũng ủng hộ việc phát triển ngôn ngữ và văn hoá của cộng đồng di cư nhưng khuyến khích mọi cá nhân và cộng đồng hoà nhập vào xã hội Pháp. “Tại Pháp có tới 17 ngôn ngữ chính thức được dạy như ngoại ngữ thứ 1, thứ 2 trong nhà trường, trong đó có tới 25 ngoại ngữ được chấp nhận ở kì thi tốt nghiệp phổ thông trung học, trong đó có tiếng Việt” (Nguyễn Thanh Huyền). Tuy nhiên, số lượng các trường phổ thông có dạy tiếng Việt ngày càng ít đi. Thái Lan, với xu hướng phát triển thương mại trong các nước ASEAN cũng khuyến khích dạy-học ngôn ngữ của các nước láng giềng trong các trường phổ thông, như một ngoại ngữ thứ hai, bên cạnh ngoại ngữ bắt buộc là tiếng Anh. Tại hai tỉnh sát Việt Nam là Nakhonphanon và Nong Khai, nơi có nhiều người Việt sinh sống nhất, tiếng Việt đã được dạy công khai trong cộng đồng người Việt và trước mắt, trong trường THPT với thời lượng 3 giờ/ tuần. Ngoài ra, công chức trong các cơ quan chính phủ ở hai tỉnh này cũng phải học tiếng Việt, trong một chương trình

⁴ Nguyễn Thị Hạnh, Trần Thị Kim Thuân, *Báo cáo kết quả khảo sát việc dạy - học tiếng Việt cho Việt kiều tại Thái Lan, 2006.*

⁵ Vương Toàn, *Mấy suy nghĩ từ Kế hoạch hóa ngôn ngữ của Pháp.*



nâng cao năng lực. Năm 2007, tỉnh Nakhonphanon đã xây dựng Trung tâm dạy ngôn ngữ các nước láng giềng, mà chủ yếu là dạy tiếng Việt cho những người có nhu cầu ở trong và ngoài tỉnh.

Như vậy, dù ở trong hay ngoài nhà trường, việc sử dụng hay dạy - học tiếng Việt như một ngôn ngữ thứ hai đều được các nước sở tại cho phép và ủng hộ. Đây là cơ sở pháp lý thuận lợi cho việc dạy - học tiếng Việt cũng như việc gìn giữ ngôn ngữ và văn hoá của dân tộc Việt Nam ở nước ngoài.

Việc tổ chức dạy - học tiếng Việt

Tuy chưa có số liệu thống kê đầy đủ, nhưng vẫn có thể nhận thấy rằng số lượng các cơ sở dạy tiếng Việt tại các nước này ít, quy mô nhỏ, mang tính tự phát, không có các tài trợ thường xuyên, cơ sở vật chất không cố định, thiếu thốn, số lượng người học không nhiều. Chẳng hạn, tại Mĩ chỉ có khoảng 200 cơ sở dạy tiếng Việt, tập trung ở California, Texas, Washington và do các hội, đoàn Việt kiều, các nhà chùa, nhà thờ tổ chức theo hình thức không chính quy. Các lớp học này hoạt động hết sức đa dạng, linh hoạt tùy theo nhu cầu học và điều kiện học cụ thể. Tại Pháp, ở cả 3 thành phố lớn là Paris, Marseille, Lyon chỉ có khoảng 600 người học tiếng Việt trong hệ thống đại học, phổ thông và các lớp do hội, đoàn Việt kiều tổ chức. Các lớp học này thường có cơ sở vật chất “tuênh toàng” và nằm sâu trong những ngõ, phố nhỏ. Tại 2 tỉnh đã nói của Thái Lan, cũng chỉ có khoảng 5-7 cơ sở dạy tiếng Việt, các cơ sở này chủ yếu do các cá nhân, hội đoàn Việt kiều mở trên cơ sở tự nguyện đóng góp của cả người dạy và người học.

Nhìn chung, người Việt tại các nước này không phải là một cộng đồng giàu có, họ cần được hỗ trợ về mặt tổ chức, nguồn lực cũng như về tinh thần để nuôi dưỡng tiếng Việt cho các thế hệ người Việt sống ở nước ngoài.

Tài liệu dạy tiếng Việt

Nguồn giáo viên và tài liệu giảng dạy tiếng Việt ở các nước nhìn chung là thiếu thốn và bất

cập. Tại Pháp và Thái Lan không có tài liệu giáo khoa dạy tiếng Việt nào dành cho học sinh cấp II và III cũng như các lớp học của cộng đồng. Các giáo viên phải tự sưu tầm các sách dạy tiếng Việt khác nhau rồi biên soạn lại. Tại Mĩ, có nhiều nhóm tác giả biên soạn tài liệu học tiếng Việt cho các chương trình phi chính quy, như bộ sách “Tiếng Việt mến yêu”, xuất bản bởi East Side Union High School, San Jose, California năm 1995, bộ sách “Giáo khoa Việt ngữ” do Ban đại diện các trung tâm Việt ngữ Nam California biên soạn và xuất bản năm 2003, bộ sách “Em học tiếng Việt” của Trường Việt ngữ Đức Viên, San Jose, California và các bộ sách khác. Nhìn chung các bộ sách này do những trí thức có tâm huyết với quê hương biên soạn, nhưng lại thiếu chuyên môn về ngôn ngữ, về Việt ngữ cũng như phương pháp giảng dạy. Chính vì vậy, trong từng bộ sách đã không thống nhất về kiến thức ngôn ngữ cơ bản (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp), lẫn lộn giữa phần việc của sách học sinh và giáo viên, các bài học không thống nhất về cấu trúc, kiến thức và ngữ liệu. Ngoài ra, các bộ sách này chưa phản ánh được sự phát triển của tiếng Việt tại Việt Nam hiện nay mà dừng chỉ lại ở thời điểm các tác giả rời xa đất nước.

Chẳng hạn, về ngữ âm, một số bộ sách vẫn giữ nguyên các biến thể của tiếng miền Nam đã dùng trước năm 1975 như: *phân tách - phân tích, chánh trị - chính trị, hành sự - hình sự, chun tay - chân tay, đồn bà - đàn bà, võ khí - vũ khí...* Về từ vựng, còn nhiều từ ngữ quá lạc hậu, hiện chỉ sử dụng trong cổ văn; có nhiều cách diễn đạt không còn phù hợp với tiếng Việt hiện đại như: *thương thảo, không yếm, quân viện, sinh suất, tử suất, không vận, túc cầu, khả tín, nhu liệu, phú cường, các quý vị thức giả (học giả)...* Ngoài việc thiếu tài liệu dạy học phù hợp, các lớp học này cũng không có những thiết bị và đồ dùng giảng dạy rất cần thiết cho việc học tiếng Việt.

Phương pháp giảng dạy tiếng Việt nhìn chung, rất lạc hậu và không phù hợp với đối tượng học. Chẳng hạn, trong bộ giáo khoa Việt

ngữ (Nam California-2003), các tác giả đưa ra 2 phương pháp để học tiếng Việt, mà theo họ là “tùy nghi sử dụng”.

Thứ nhất: Phương pháp ghép chữ, còn gọi là đánh vần: “đánh vần bằng tên gọi, và luôn luôn bắt đầu từ trái qua phải rồi bỏ dấu giọng sau cùng”, thí dụ:

- ba = bê a... ba
- bạn= bê a... ba nờ ban nặng bạn
- thuyền = tê hát u thu y cờ rét thuy ê thuyê en thuyền huyền thuyền.

Thứ hai: Phương pháp ghép vần: “còn gọi là ghép âm, nôm na gọi là phương pháp bình dân học vụ”. Các tác giả cho rằng, cách này rất thích hợp cho người lớn và người ngoại quốc học tiếng Việt. Nhìn chung, các phương pháp dạy học này đã từng tồn tại ở Việt Nam hàng chục năm trước đây, hiện nay đã lạc hậu, bị bỏ qua và được thay thế bằng những phương pháp khác tiến tiến hơn. Tuy nhiên, vấn đề lớn nhất về phương pháp mà các giáo viên và các tác giả hay nhầm lẫn là lựa chọn tài liệu và phương pháp cho các đối tượng người học khác nhau: Khi nào thì dạy tiếng Việt như một ngoại ngữ và khi nào dạy tiếng Việt như tiếng mẹ đẻ. Tại các lớp học ở Thái Lan, và ngay cả ở Pháp, Mĩ nhiều giáo viên dạy đọc - viết, chứ không dạy nghe - nói cho người chưa biết chút tiếng Việt nào. Họ dùng cả sách giáo khoa và quy trình dạy môn “Tiếng Việt” ở tiểu học của Việt Nam để dạy tiếng Việt. Chính vì vậy, “nên sau 5 năm học, học viên vẫn chưa nói được những câu chào hỏi đơn giản” (Hoàng Hoà Bình).

Giáo viên dạy tiếng Việt tại cả 3 nước phần lớn đều là những người tình nguyện, có nhiệt tình nhưng ít kiến thức ngôn ngữ và thiếu kĩ năng sư phạm. Tại California có tới 1.600 giáo viên dạy tiếng Việt, nhưng khoảng 1.000 người là tình nguyện viên. Còn ở Pháp, việc dạy tiếng Việt trong các cơ sở hội đoàn ở Paris chủ yếu do những sinh viên từ Việt Nam sang học, có quan hệ tốt với kiều bào tình nguyện đảm nhận. Ở Lyon và Marseille chủ yếu do những người trung

tuổi, biết tiếng Việt, không có chuyên môn sư phạm giảng dạy. Ở Thái Lan, tình trạng cũng tương tự như vậy. Chính vì vậy mà chất lượng dạy học tiếng Việt tại các cơ sở này không cao, thiếu chuyên nghiệp.

Với thực trạng dạy - học tiếng Việt cho cộng đồng người Việt như hiện nay, việc chuẩn bị và thực hiện “Đề án hỗ trợ việc dạy tiếng Việt cho người Việt Nam ở nước ngoài” của Chính phủ thực sự là một thách thức lớn. Vấn đề không chỉ ở chỗ phải tạo được nhu cầu học tiếng Việt cho thế hệ trẻ, giúp họ nhận thức được tầm quan trọng của việc học tiếng Việt mà còn cần hỗ trợ cộng đồng những tài liệu dạy - học tiếng Việt phù hợp với các đối tượng khác nhau, hỗ trợ về giảng viên và phương pháp giảng dạy cũng như các điều kiện vật chất khác. Và như thế, một chương trình tổng thể của Nhà nước cần được vận hành để thực sự biến tiếng Việt thành cầu nối các thế hệ, các cộng đồng ở khắp nơi với cội nguồn và chung tay xây dựng vì một nước Việt phồn vinh và thịnh vượng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đề án “Hỗ trợ việc dạy tiếng Việt cho người Việt Nam ở nước ngoài”.
2. Kỉ yếu hội thảo “Bảo vệ và phát triển tiếng Việt trong thời kì công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước”. Thành phố Hồ Chí Minh, 2002.
3. Các báo cáo tại hội thảo “Định hướng xây dựng chương trình và tài liệu dạy học tiếng Việt cho người Việt Nam ở nước ngoài - Viện CL & CTGD, Hà Nội, 2006.
4. *Tiếng Việt mến yêu* - East Side Union High School, San Jose, California 1995.
5. *Giáo khoa Việt ngữ* - Ban đại diện các trung tâm Việt ngữ Nam California, 2003.
6. *Em học tiếng Việt* của Trường Việt ngữ Đức Viên, San Jose, California.

SUMMARY

The article highlights a number of initial results obtained in teaching Vietnamese to Vietnamese people living overseas with focus on two main aspects: 1/ Vietnamese people's needs to learn Vietnamese in foreign countries; 2/ the status quo of teaching Vietnamese to Vietnamese overseas.